

Số: /QĐ-KQLĐBIII

Đà Nẵng, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 2: Thi công xây dựng thuộc dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1267+821 - Km1267+857 (T), Km1268+019 - Km1268+070 (T), Km1302+722 - Km1303+600, Km1313+140 - Km1314+00, Km1309+236 - Km1309+299 (T), Km1309+403 - Km1309+480 (T), Km1312+307 - Km1313+140 (T); Km1318+700 - Km1319+200 (làn số 01 sát dải PCG) Km1322+00 - Km1322+271 (T); Sửa chữa mặt cầu, đường hai đầu cầu Lê Uyên Km1275+295; Sửa chữa mặt cầu, khe co giãn cầu Dốc Găng Km1282+370, cầu Ngân Sơn Km1300+300 (đơn nguyên phải), cầu Mỹ Phú Km1312+379, cầu Phong Lưu Km1286+850, cầu Đông Sa Km1304+269, cầu Nhân Mỹ (đơn nguyên cũ) Km1299+350, QL.1, tỉnh Đắk Lắk

GIÁM ĐỐC KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư, theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-BXD ngày 10/3/2025 của Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Quản lý đường bộ III trực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-KQLĐBIII ngày 31/3/2025 của Khu Quản lý đường bộ III về việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo Khu Quản lý đường bộ III;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-KQLĐBIII ngày 28/11/2025 của Khu Quản lý đường bộ III về việc thành lập Tổ thực hiện công tác phê duyệt E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-CĐBVN ngày 05/11/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc Phê duyệt dự án;

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-KQLĐBIII ngày 18/11/2025 của Khu Quản lý đường bộ III về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án nêu trên;

Căn cứ Hợp đồng số 929/HĐ-LCNT ngày 20/11/2025 giữa Khu Quản lý đường bộ III và Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 3 về việc lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT Gói thầu số 2 và số 3 thuộc dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1267+821 - Km1267+857 (T), Km1268+019 - Km1268+070 (T), Km1302+722 - Km1303+600, Km1313+140 - Km1314+00, Km1309+236 - Km1309+299 (T), Km1309+403 - Km1309+480 (T), Km1312+307 - Km1313+140 (T); Km1318+700 - Km1319+200 (làn số 01 sát dải PCG) Km1322+00 - Km1322+271 (T); Sửa chữa mặt cầu, đường hai đầu cầu Lê Uyên Km1275+295; Sửa chữa mặt cầu, khe co giãn cầu Dốc Găng Km1282+370, cầu Ngân Sơn Km1300+300 (đơn nguyên phải), cầu Mỹ Phú Km1312+379, cầu Phong Lưu Km1286+850, cầu Đông Sa Km1304+269, cầu Nhân Mỹ (đơn nguyên cũ) Km1299+350, QL.1, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-KQLĐBIII ngày 27/12/2025 của Khu Quản lý đường bộ III về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình và dự toán các gói thầu thuộc dự án nêu trên;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-KQLĐBIII ngày 14/01/2026 của Khu Quản lý đường bộ III về việc Phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 2: Thi công xây dựng thuộc dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1267+821 - Km1267+857 (T), Km1268+019 - Km1268+070 (T), Km1302+722 - Km1303+600, Km1313+140 - Km1314+00, Km1309+236 - Km1309+299 (T), Km1309+403 - Km1309+480 (T), Km1312+307 - Km1313+140 (T); Km1318+700 - Km1319+200 (làn số 01 sát dải PCG) Km1322+00 - Km1322+271 (T); Sửa chữa mặt cầu, đường hai đầu cầu Lê Uyên Km1275+295; Sửa chữa mặt cầu, khe co giãn cầu Dốc Găng Km1282+370, cầu Ngân Sơn Km1300+300 (đơn nguyên phải), cầu Mỹ Phú Km1312+379, cầu Phong Lưu Km1286+850, cầu Đông Sa Km1304+269, cầu Nhân Mỹ (đơn nguyên cũ) Km1299+350, QL.1, tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 3 (Tổ chuyên gia) tại Tờ trình số 19/TTr-RTC3 ngày 30/01/2026 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 2: Thi công xây dựng thuộc dự án nêu trên; đề nghị của Tổ thẩm định tại Báo cáo thẩm định E-HSMT gói thầu nêu trên lập ngày 30/01/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh E-HSMT Gói thầu số 2: Thi công xây dựng thuộc dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km1267+821 - Km1267+857 (T), Km1268+019 - Km1268+070 (T), Km1302+722 - Km1303+600, Km1313+140 - Km1314+00, Km1309+236 - Km1309+299 (T), Km1309+403 - Km1309+480 (T), Km1312+307 - Km1313+140 (T); Km1318+700 - Km1319+200 (làn số 01 sát dải PCG) Km1322+00 - Km1322+271 (T); Sửa chữa mặt cầu, đường hai đầu cầu Lê Uyên Km1275+295; Sửa chữa mặt cầu, khe co giãn cầu Dốc Găng Km1282+370, cầu Ngân Sơn Km1300+300 (đơn nguyên phải), cầu Mỹ Phú Km1312+379, cầu Phong Lưu Km1286+850, cầu Đông Sa Km1304+269, cầu Nhân Mỹ (đơn nguyên cũ) Km1299+350, QL.1, tỉnh Đắk Lắk đã được phê duyệt tại quyết định số 27/QĐ-KQLĐBIII ngày 14/01/2026 (Chi tiết xem phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở Điều 1, Tổ chuyên gia đấu thầu triển khai thực hiện các bước tiếp theo quy định hiện hành để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu. Trường hợp sau khi phát hành E - Hồ sơ mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định, Tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu phát hiện có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì phải báo cáo bằng văn bản để Chủ đầu tư xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại diện theo pháp luật của các nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu, Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và Trưởng phòng các phòng có liên quan của Khu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Kho bạc NN Khu vực XIII-Phòng Kế toán Nhà nước;
- Lưu: VT, KH-TC_(Ngọc7b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phương Nam

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KQLĐBIII ngày /01/2026 của Khu Quản lý đường bộ III)

1. Điều chỉnh nội dung của mục 2.1 - Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm thuộc chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, cụ thể như sau:

TT	Các tiêu chí về năng lực kinh nghiệm	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
	<p>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:</p> <p>Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là: (1)</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng:</p> <p>(2)</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</p>	<p>(2) có hiệu lực trong 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 02/7/2026.</p>	<p>(2) có hiệu lực trong 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 15/7/2026.</p>

2. Điều chỉnh nhân sự chủ chốt tại Bảng số 02 – Yêu cầu về nhân sự chủ chốt thuộc chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, cụ thể như sau:

STT	Vị trí công việc	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
1	Phụ trách kỹ thuật thi công	<p>1. Trình độ đại học trở lên chuyên ngành về công trình giao thông.</p> <p>2. Đã trực tiếp làm cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công 01 công trình đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị xây dựng mới cấp II trở lên (hoặc 02 công trình cấp III) hoặc sửa chữa, khôi phục, cải tạo</p>	<p>1. Trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành về công trình giao thông.</p> <p>2. Đã trực tiếp làm cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công 01 công trình đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị xây dựng mới cấp II trở lên (hoặc 02 công trình cấp III) hoặc sửa chữa, khôi phục, cải tạo</p>

STT	Vị trí công việc	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
		<p>để duy trì cấp công trình hiện tại là cấp II (hoặc 02 công trình cấp III) có đầy đủ các hạng mục gồm: Mặt đường BTN, cầu bóc tái sinh nguội tại chỗ, hệ thống ATGT, công trình cầu. Có thể dùng nhiều công trình để chứng minh, đảm bảo tổng hợp các công trình phải có đầy đủ các hạng mục nêu trên (được xem là một hợp đồng tương tự).</p> <p>* Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh có thể bố trí 01 người, có kinh nghiệm thực hiện hạng mục tương tự phù hợp với phần công việc của thành viên liên danh đó đảm nhận, trừ trường hợp trong thoả thuận liên danh có nêu uỷ nhiệm cho một người thuộc một trong các thành viên liên danh đứng ra làm cán bộ kỹ thuật. - Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh kèm theo. 	<p>để duy trì cấp công trình hiện tại là cấp II (hoặc 02 công trình cấp III).</p> <p>* Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh có thể bố trí 01 người, trừ trường hợp trong thoả thuận liên danh có nêu uỷ nhiệm cho một người thuộc một trong các thành viên liên danh đứng ra làm Phụ trách kỹ thuật thi công. - Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh kèm theo.

3. Điều chỉnh thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 – Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu thuộc chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, cụ thể như sau:

STT	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
1	<p>Máy rải bê tông nhựa nóng, có công suất \geq 90kW:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; - Hiện trong tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động. 	<p>Máy rải bê tông nhựa nóng, có công suất \geq 90kW:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trong tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.
2	<p>Lu bánh thép có trọng lượng 6-8 tấn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; - Hiện trong tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động. 	Không yêu cầu
3	<p>Lu bánh thép có trọng lượng 10-12 tấn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; - Hiện trong tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động. 	Không yêu cầu
4	<p>Lu bánh hơi có trọng lượng \geq 16 tấn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; 	<p>Lu bánh hơi có trọng lượng \geq 16 tấn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.

STT	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
	- Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	
5	Lu bánh hơi có trọng lượng ≥ 25 tấn; - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Lu bánh hơi có trọng lượng ≥ 25 tấn; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.
6	Máy tưới nhũ tương: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13567-(1-2):2022; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động	Không yêu cầu
7	Máy tái chế có công suất không nhỏ hơn 450HP: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Máy tái chế có công suất không nhỏ hơn 450HP: - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.
8	Máy rải xi măng: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu
9	Lu bánh hơi có trọng lượng tĩnh $\geq 13T$; - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu
10	Xe rải đá hoặc thiết bị rải đá chuyên dụng: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN (9505):2012; - Hiện trong tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu
11	Lu rung 02 bánh thép có trọng lượng tĩnh $\geq 9T$; - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu
12	Lu rung chân cừ có trọng lượng tĩnh $\geq 11T$ và tải trọng động (khi rung) $\geq 30T$; - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020;	Lu rung chân cừ có trọng lượng tĩnh $\geq 11T$ và tải trọng động (khi rung) $\geq 30T$; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.

STT	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
	- Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	
13	Máy san tự hành có công suất $\geq 100\text{HP}$: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu
14	Xe bồn chở nước: - Có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công việc của gói thầu và TCVN 13150-1:2020; - Hiện có tình trạng hoạt động tốt và sẵn sàng để huy động.	Không yêu cầu

4. Điều chỉnh Mục 3 – Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật thuộc Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT (Chi tiết tại E-HSMT)

5. Điều chỉnh khối lượng mời thầu của một số hạng mục tại Mẫu số 01B - Bảng kê hạng mục công việc thuộc Chương IV-Biểu mẫu mời thầu, cụ thể như sau:

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Khối lượng mời thầu (3)		Đơn vị tính (4)
		Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh	
1.1	Sửa chữa cào bóc tái sinh nguội Đối với các đoạn mặt đường làn xe cơ giới có lớp bê tông nhựa hiện trạng dày 12-26cm bị hư hỏng nặng liên tục, trải dài trên diện rộng (KC1)			
1.1.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 6cm	895,71	895,71	m2
1.1.2	Vận chuyển đổ thải		53,74	m3
1.1.3	Cào bóc mặt đường BTN dày TB 21cm (giữ lại 7cm để tái sinh)	18820,73	18820,73	m2
1.1.4	Vận chuyển đổ thải		2634,90	m3
1.1.6	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNC19 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	18820,73	18820,73	m2
1.1.7	Vận chuyển BTN		3258,62	tấn
1.1.8	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	19716,44	19716,44	m2
1.1.9	Vận chuyển BTN		2915,67	tấn
1.2	Xử lý hư hỏng nứt rạn mai rùa, lún vệt bánh xe trên diện rộng và trải dài (KC1B) Đoạn Km1313+500 - Km1313+750 (P)			
1.2.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 6cm	37,50	37,50	m2
1.2.2	Vận chuyển đổ thải		2,25	m3
1.2.3	Cào bóc mặt đường BTN dày TB 27cm	875,00	875,00	m2
1.2.4	Vận chuyển đổ thải		175,00	m3
1.2.7	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám	875,00	875,00	m2

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Khối lượng mời thầu (3)		Đơn vị tính (4)
		Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh	
	tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNC19 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)			
1.2.8	Vận chuyển BTN		151,50	tấn
1.2.9	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	912,50	912,50	m ²
1.2.10	Vận chuyển BTN		134,94	tấn
1.3	Xử lý hư hỏng nứt rạn mai rùa, lún vệt bánh xe trên diện rộng và trải dài (Phạm vi đã xử lý cào bóc tái sinh bảo lữ năm 2022) (KC2A)			
1.3.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 14cm	3232,04	3232,04	m ²
1.3.2	Vận chuyển đồ thải		452,49	m ³
1.3.4	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNC19 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	3232,04	3232,04	m ²
1.3.5	Vận chuyển BTN		559,60	tấn
1.3.6	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	3232,04	3232,04	m ²
1.3.7	Vận chuyển BTN		477,95	tấn
1.4	Xử lý hư hỏng nứt rạn mai rùa (mức độ M chủ yếu), hàn lún vệt bánh xe (mức độ M chủ yếu) (KC2B)			
1.4.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 13cm	2215,59	2215,59	m ²
1.4.2	Vận chuyển đồ thải		288,03	m ³
1.4.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám TC 1lít/m ² và thảm lớp BTNC19 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	2215,59	2215,59	m ²
1.4.4	Vận chuyển BTN		383,61	tấn
1.4.5	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	2215,59	2215,59	m ²
1.4.6	Vận chuyển BTN		327,064	tấn
1.5	Xử lý hư hỏng nứt rạn mai rùa (mức độ M, L) (KC2C)			
1.5.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 6cm	2366,61	2366,61	m ²
1.5.2	Vận chuyển đồ thải		142,00	m ³
1.5.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	2366,61	2366,61	m ²
1.5.4	Vận chuyển BTN		349,97	tấn
2	Sửa chữa hư hỏng mặt đường làn xe thô sơ			

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Khối lượng mời thầu (3)		Đơn vị tính (4)
		Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh	
	(KC3)			
2.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 6cm	589,36	589,36	m2
2.2	Vận chuyển đồ thải		35,36	m3
2.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m2 và thảm lớp BTNC16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	589,36	589,36	m2
2.4	Vận chuyển BTN		87,15	tấn
6	Sửa chữa cầu Lệ Uyên Km1275+295 (Đơn nguyên trái)			
6.1	Sửa chữa lớp phủ mặt cầu			
6.1.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	677,35	677,35	m2
6.1.2	Vận chuyển đồ thải		47,41	m3
6.1.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m2 và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	677,35	677,35	m2
6.1.4	Vận chuyển BTN		116,86	tấn
6.2	Sửa chữa đường hai đầu cầu (hư hỏng hằn lún vệt bánh xe dạng M và H làn xe cơ giới)			
6.2.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	592,34	592,34	m2
6.2.2	Vận chuyển đồ thải		41,46	m3
6.2.4	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám bảm TC 0,3lít/m2 và thảm lớp BTNC19 bù vênh dày tb 2,98cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	592,34	592,34	m2
6.2.5	Vận chuyển BTN		102,56	tấn
6.2.6	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m2 và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	592,34	592,34	m2
6.2.7	Vận chuyển BTN		43,66	tấn
6.2.8	Cào bóc mặt đường BTN dày 13cm	776,44	776,44	m2
6.2.9	Vận chuyển đồ thải		100,94	m3
6.2.10	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít thấm bảm TC 1lít/m2 và thảm lớp BTNC19 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	776,44	776,44	m2
6.2.11	Vận chuyển BTN		134,43	tấn
6.2.12	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m2 và thảm lớp BTNP16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	776,44	776,44	m2
6.2.13	Vận chuyển BTN		114,82	tấn
6.3	Sửa chữa đường hai đầu cầu (hư hỏng làn xe thô sơ)			
6.3.1	Cào bóc mặt đường BTN dày TB 6cm (giữ lại tận dụng 99,5m2)	132,13	132,13	m2
6.3.2	Vận chuyển đồ thải		1,96	m3
6.3.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám	265,68	265,68	m2

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Khối lượng mời thầu (3)		Đơn vị tính (4)
		Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh	
	bám TC 0,5lít/m ² và thảm lớp BTNC19 bù vênh dày tb 4,67cm (sử dụng phụ gia tăng đính bám đá nhựa)			
6.3.4	Vận chuyển BTN		30,69	tấn
6.3.5	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,3 lít/m ² và thảm lớp BTNC16 dày 6cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	397,81	397,81	m ²
6.3.6	Vận chuyển BTN		58,83	tấn
6.4	Dải phân cách giữa, lề đường			
6.4.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 3cm	93,60	93,60	m ²
6.4.2	Vận chuyển đồ thải		2,81	m ³
6.4.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNC16 dày TB 4,83cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	168,96	168,96	m ²
6.4.4	Vận chuyển BTN		20,11	tấn
7.2	Sửa chữa lớp phủ mặt cầu			
7.2.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	265,10	265,10	m ²
7.2.2	Vận chuyển đồ thải		18,56	m ³
7.2.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	265,10	265,10	m ²
7.2.4	Vận chuyển BTN		45,74	tấn
7.3	Sửa chữa đường hai đầu cầu			
7.3.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 7cm	160,00	160,00	m ²
7.3.2	Vận chuyển đồ thải		11,20	m ³
7.3.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	160,00	160,00	m ²
7.3.4	Vận chuyển BTN		27,60	tấn
8.3	Sửa chữa đường hai đầu cầu			
8.3.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	70,00	70,00	m ²
8.3.2	Vận chuyển đồ thải		4,90	m ³
8.3.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	70,00	70,00	m ²
8.3.4	Vận chuyển BTN		12,08	tấn
10.4	Sửa chữa lớp phủ mặt cầu			
10.4.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	421,80	421,80	m ²
10.4.2	Vận chuyển đồ thải		29,53	m ³
10.4.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	421,80	421,80	m ²
10.4.4	Vận chuyển BTN		72,77	tấn

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Khối lượng mời thầu (3)		Đơn vị tính (4)
		Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh	
10.5	Sửa chữa đường hai đầu cầu			
10.5.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 7cm	980,00	980,00	m2
10.5.2	Vận chuyển đồ thải		68,60	m3
10.5.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	980,00	980,00	m2
10.5.4	Vận chuyển BTN		169,08	tấn
11.3	Sửa chữa lớp phủ mặt cầu			
11.3.1	Cào bóc mặt cầu BTN dày 7cm	275,50	275,50	m2
11.3.2	Vận chuyển đồ thải		19,29	m3
11.3.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	275,50	275,50	m2
11.3.4	Vận chuyển BTN		47,53	tấn
11.4	Sửa chữa đường hai đầu cầu			
11.4.1	Cào bóc mặt đường BTN dày 7cm	1400,00	1400,00	m2
11.4.2	Vận chuyển đồ thải		98,00	m3
11.4.3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít dính bám tiêu chuẩn 0,5 lít/m ² và thảm lớp BTNP16 dày 7cm (sử dụng phụ gia tăng dính bám đá nhựa)	1400,00	1400,00	m2
11.4.4	Vận chuyển BTN		241,54	tấn

6. Điều chỉnh Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật (Chi tiết tại E-HSMT)

7. Điều chỉnh Bản cam kết Về việc: Huy động và bố trí đúng và đầy đủ trạm trộn bê tông nhựa là thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù phục vụ thi công gói thầu sửa chữa mặt đường đáp ứng theo quy định tại E-HSMT và các pháp luật có liên quan

STT	Theo E-HSMT được duyệt	Theo E-HSMT điều chỉnh
1	Bản cam kết đặt tại mục 10 – Các yêu cầu khác thuộc Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật.	Bản cam kết đặt tại Phụ lục 5 thuộc Chương VIII – Biểu mẫu Hợp đồng

8. Gia hạn thời gian mở thầu lúc 9h00 ngày 12/02/2026.

9. Các nội dung khác của E-HSMT được giữ nguyên theo Quyết định được duyệt số 27/QĐ-KQLĐBIII ngày 14/01/2026 của Khu Quản lý đường bộ III.
